

TÍNH NỮ THIÊNG TRONG SHAKTISM CỦA HINDU GIÁO

Tóm tắt: Trong tiềm thức của người Ấn Độ, tính nữ rất được đề cao. Tính nữ có một vị trí rất quan trọng, thậm chí người Ấn Độ còn coi tính nữ là tính chủ đạo trong mỗi con người kể cả nam và nữ. Quan niệm này xem ra khá đặc biệt, song ngày nay chúng ta vẫn có thể hoàn toàn chứng minh được qua những dấu tích xưa và đặc biệt thấy rất rõ trong quan niệm văn hóa truyền thống của người Ấn Độ. Bài viết này trình bày sự hình thành truyền thống thờ cúng nữ thần tại Ấn Độ; so sánh phái thờ nữ thần (Shaktism) với các phái Hindu giáo khác và đặc điểm tính nữ thiêng trong phái Shaktism.

Từ khóa: Tính nữ thiêng; Shakta; Shakti; triết lý; đặc điểm.

Giới thiệu

Sự sùng bái Nữ thần Mẹ cũng lâu đời như loài người. Người ta tin rằng trong thời cổ đại, giáo phái này mở rộng ra tất cả các quốc gia và phát triển mạnh trong tất cả các nền văn minh từ sông Nile và Euphrates đến Biển Aegean.

Tuy nhiên, hầu hết các tôn giáo phổ biến ngày nay như Do Thái giáo, Kitô giáo, Islam giáo đều là những tôn giáo tôn thờ tính nam, thờ phụng những vị nam thần, coi Thiên Chúa là cha. Song với phái thờ nữ thần (Shaktism) trong Hindu giáo, quan điểm lại hoàn toàn ngược lại. Đối với tín đồ Hindu giáo thuộc phái này, “Shakti” chính là tính nữ thiêng được biểu hiện qua hình ảnh các vị nữ thần. Shakti chính là năng lượng nữ, là sức mạnh sáng tạo nên vũ trụ và mang những quyền năng thiêng liêng. Shaktism là một truyền thống coi việc thờ nữ thần làm trung tâm của Hindu giáo (Klaus K.

* Bộ môn Ấn Độ học, Khoa Đông phương học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 21/11/2019; Ngày biên tập: 05/6/2020; Duyệt đăng: 19/6/2020.

Klostermaier 2010: 30, 114-116, 233-245) (Flood, Gavin D. 1996: 174-176).

Shaktism (tiếng Phạn: *ākṭah*, có nghĩa là “học thuyết về năng lượng, sức mạnh, nữ thần vĩnh cửu”) là một nhánh phái lớn của Hindu giáo, trong đó thực tế siêu hình là hình ảnh ẩn dụ của tính nữ và *Adi Parashakti* là vị thần tối cao. Truyền thống tôn giáo này bao gồm một loạt các nữ thần, được coi là các hóa thân khác nhau của cùng một nữ thần tối cao [Klaus K. Klostermaier 2010: 114-116] [J. Gordon Melton 2010: 2600-2602]. Shaktism có các nhánh phái khác nhau, từ nhánh thờ nữ thần bò cái *Gauri* duyên dáng đến nữ thần mẹ *Kali* hung dữ, và một số nhánh nhỏ liên kết các nữ thần với các nam thần như *Shiva* hoặc *Brahma* hoặc *Vishnu* [Yudit Kornberg Greenberg 2008: 254-256].

Sruti và *Smriti* là những thánh điển có tính lịch sử quan trọng của truyền thống Shaktism của Hindu giáo. Ngoài ra, phái thờ tính nữ thiêng còn tôn kính các thánh điển *Devi Mahatmya*, *Devi-Bhagavata Purana*, *Mahabhagwata Purana* và *Devi Upanishads* (Constance Jones 2014: 399). Đặc biệt, *Devi Mahatmyain* trong Shaktism cũng quan trọng như *Bhagavad Gita* - Chí tôn ca của Hindu giáo (Rocher Ludo 1986:193).

Nghiên cứu về quan niệm ‘tính nữ thiêng’ của tín đồ Hindu giáo đã được rất nhiều học giả quan tâm và nghiên cứu từ rất sớm.

Ngay từ năm 1986, David Kinsley cho xuất bản cuốn *Hindu Goddesses: Visions of the Divine Feminine in the Hindu Religious Tradition* (Những nữ thần Hindu: Nhìn nhận về tính nữ thiêng trong truyền thống Hindu giáo). Trong cuốn sách, tác giả giới thiệu tổng quát về tất cả những nữ thần chính trong Hindu giáo như *Ushas*, *Prthivi*, *Sri - Laksmi*, *Parvati*, *Durga*, *Kali*... Các nữ thần được phác họa xuyên suốt các thời kỳ lịch sử thông qua các huyền thoại, vị trí, vai trò và sự thờ phụng vị nữ thần đó trong đời sống của tín đồ Hindu giáo. Để làm được điều đó, tác giả David Kinsley chủ yếu dựa vào nguồn văn học, mà ở đây là văn học thời *Veda* và *King*

Veda là nguồn tài liệu có giá trị, giúp ta có cái nhìn tổng quan, hiểu được lịch sử ra đời cũng như biến đổi của các vị nữ thần trong Hindu giáo.

Phái thờ tính nữ thiêng còn được biết đến qua các nhánh phái khác nhau của Mật tông (Katherine Anne Harper 2012. 48, 117, 40–53), qua một loạt các nữ thần với các hệ thống tương ứng Vidyapitha và Kulamārga. Hệ thống các nữ thần trong Shaktism đã phát triển sau sự suy tàn của Phật giáo ở Ấn Độ, trong đó các nữ thần Hindu giáo và Phật giáo được kết hợp để tạo thành Mahavidya - Đại ngã mang tính nữ, với mười nữ thần là hóa thân (Sanderson, Alexis 2014: 80). Các nữ thần phổ biến nhất của Devi được tìm thấy trong Shaktism bao gồm Durga, Kali, Amba, Saraswati, Lakshmi, Parvati và Tripurasundari (J. Gordon Melton 2010:2600–2602). Truyền thống thờ nữ thần ở Ấn Độ đặc biệt phổ biến ở Tây Bengal, Odisha, Assam, Tripura, Kumaon, Mithila (Bắc Bihar) và Nepal và các khu vực lân cận, phản ánh qua các lễ hội như Durga puja - lễ cúng nữ thần Durga (Shaktism, Encyclopædia Britannica 2015). Shaktism đã ảnh hưởng đến phái thờ Vishnu và phái thờ Shiva, với nữ thần được coi là Shakti - tính nữ thiêng của các nam thần Vishnu và Shiva này và được tôn thờ trong nhiều đền đài và lễ hội Hindu giáo (Flood, Gavin D. 1996: 174–176).

Không chỉ nghiên cứu trong văn học, “tính nữ thiêng” của tín đồ Hindu giáo còn được nghiên cứu qua góc nhìn trong lĩnh vực nghệ thuật và điêu khắc. Cuốn *The Sculpture of India 3000 B.C - 1300 A.D* (Điêu khắc Ấn Độ từ 3000 năm TCN đến 1300 năm SCN) của tác giả Pramod Chandra đã cung cấp một cái nhìn tổng quan về điêu khắc Ấn Độ trong giai đoạn 3000 năm trước Công Nguyên - 1300 năm sau Công Nguyên. Qua đó có thể thấy vai trò của tính nữ, của nữ thần đã được tín đồ của Hindu giáo coi trọng từ rất sớm và được thể hiện qua các tác phẩm điêu khắc thời kỳ này.

Hiện nay, cũng có rất nhiều công trình nghiên cứu khác về vai trò của “tính nữ thiêng” trong đời sống tín đồ Hindu giáo của các học giả Ấn Độ nói riêng và quốc tế nói chung.

Ví dụ, công trình Hindu goddesses as role models for women? - A qualitative study of some middle class women's views on being a woman in the Hindu society (Các nữ thần Hindu có phải là hình mẫu cho phụ nữ? - Nghiên cứu định tính về quan điểm của phụ nữ tầng lớp trung lưu về tư cách là phụ nữ trong xã hội Hindu) được viết vào năm 2007 của Hanna Hedman. Công trình đã phân tích vai trò của nữ thần Hindu đối với người phụ nữ trong xã hội Ấn Độ đương thời. Qua đó, tác giả đề cập đến vấn đề bình đẳng giới trong xã hội Ấn Độ.

Như vậy, cho đến nay, tính nữ thiêng vẫn là vấn đề nóng không chỉ với giới học thuật mà còn với các nhà hoạch định chính sách trong văn hóa - giáo dục và kinh tế- xã hội...

1. Tính nữ thiêng và quan niệm của tín đồ Hindu giáo về tính nữ thiêng

1.1. Tính nữ thiêng

Tính nữ thiêng (Divine feminine) là một thuật ngữ được dùng trong tôn giáo nhằm nhấn mạnh vai trò của nữ giới, nữ tính gần gũi với thiên tính hơn nam tính. Tính nữ thiêng thể hiện sự tôn thờ vẻ đẹp nữ tính và sức mạnh của sự sinh nở. Những người tôn thờ tính nữ thiêng cho rằng phụ nữ thông qua khả năng sinh nở sẽ mang nhiều tính “thiên” hơn so với nam giới. Chính vì vậy trong tôn giáo, tính nữ thiêng được thể hiện thông qua hình tượng các nữ thần.

Các phái tôn thờ Shiva hoặc Vishnu đã chi phối các thánh điển Hindu giáo và là tâm điểm chính của mỗi quan tâm về lòng sùng bái. Tuy nhiên, có những truyền thống về nữ thần Hindu quan trọng và nhiều nữ thần được thờ cúng hàng ngày trên toàn lãnh thổ Nam Á. Số lượng nữ thần nhiều vô kể ở các truyền thống địa phương được tín đồ Hindu giáo xem như là hiện thân hay là một phần của một đại nữ thần hay Mahadevi. Việc thờ cúng có thể tính từ thời tiền sử nếu tượng nữ bằng đất nung ở thiên niên kỷ thứ 6 hay thứ 5 được xem là hình tượng nữ thần. Việc thờ cúng nữ thần Hindu cũng trở nên quan trọng trong Hindu giáo trong những cuộc phục hưng ở phương Tây đương thời về thờ cúng nữ thần (Gross 1978, p. 269-92).

Nữ thần là yếu tố mâu thuẫn và có tính chất trái ngược nhau trong Hindu giáo. Một mặt, nữ thần là nguồn của cuộc sống, là người mẹ khoan dung độ lượng, là người luôn ban tặng và chan chứa. Mặt khác, nữ thần là một thế lực ác tâm thường yêu cầu dâng cúng rượu máu, thịt và rượu để xoa dịu sự tức giận của thần. Wendy O'Flaherty đã đề cập đến hai phạm trù khác nhau về nữ thần Ấn Độ phản ánh hai bản chất khác nhau: một mặt là “nữ thần sức mạnh”- người khêu gợi, hung dữ và nguy hiểm, mặt khác là “nữ thần tình thương” - người đầy triển vọng, hào phóng và sáng tạo (W. D. O'Flaherty 1993, p. 91).

Nữ thần tình thương thường là vai trò của người phụ nữ Hindu giáo, mang trong mình sự độ lượng và khoan dung, phục tùng người chồng đáng kính của mình, còn nữ thần sức mạnh tự do, bị xếp hạng thấp và cai quản người chồng của mình nếu có. Địa vị cao của nữ thần tình thương kiểm soát về mặt tính dục bên trong khuôn khổ Bà la môn, địa vị thấp của nữ thần sức mạnh thường tự do, giống như Wendy O'Flaherty đã quan sát, để tấn công nam giới (W. D. O'Flaherty 1993, p. 93).

Có một số ngoại lệ đối với sự khác biệt này và một số nữ thần, như Tripurasundari, vừa xinh đẹp vừa tự do. Mahadevi - Đại Nữ thần, thể hiện cả hai hình ảnh này và tín ngưỡng về thần thể hiện sự mâu thuẫn trong tư tưởng.

Những người sùng kính nữ thần thường được gọi là Saktas, tên của nữ thần muốn chỉ “quyền lực” hay “quyền năng” của phụ nữ trong vũ trụ này. Tuy nhiên, phái Sakti ít được định nghĩa rõ ràng như phái Shiva và phái Vishnu. Điều này có thể gây nhầm lẫn khi giả định rằng chỉ có Sakta sùng kính nữ thần. Hầu hết người Hindu giáo tôn kính nữ thần ở một vài khả năng đặc biệt. Cả Shiva giáo và Vishnu giáo đều kết hợp với nữ thần ở tư cách là vợ của các vị thần hay tính nữ thiêng (sakti) của các vị nam thần. Trong các kinh điển Sakti, tôn giáo dành cho phái nữ trở nên rõ ràng ở cả Puranas và Tantra.

1.2. Nền tảng quan điểm về tính nữ trong văn hóa Ấn Độ

Trong tiềm thức của người Ấn Độ, tính nữ rất được đề cao. Tính nữ có một vị trí rất quan trọng, thậm chí người Ấn Độ còn coi tính nữ là tính chủ đạo trong mỗi con người kể cả nam và nữ. Quan niệm này xem ra khá đặc biệt, song ngày nay chúng ta vẫn có thể hoàn toàn chứng minh được qua những dấu tích xưa và đặc biệt thấy rất rõ trong quan niệm văn hóa dân gian của người Ấn Độ.

“Mẹ” và “Thần Mẹ” là một trong những đại diện tiêu biểu nhất thể hiện cho “tính nữ”. Theo nhiều tài liệu chúng tôi có được thì “người Ấn Độ đặc biệt coi trọng tín ngưỡng thờ thần Mẹ và thờ cúng âm vật” thậm chí còn đề cao tính nữ, âm vật (Yoni) là “nguồn gốc của mọi sự sáng tạo” (Luu Đức Trung, 1996, tr. 21). Tuy nhiên họ không kỳ bí hóa tính nữ. Ngược lại, Mẹ là hiện thân của tất cả những gì hiền hòa nhất, gần gũi nhất với cuộc sống mỗi người. Dòng sông cho nước tắm mát, tưới ngọt cây trồng thì được gọi là sông Mẹ, mảnh đất chôn nhau cắt rốn, nuôi sống con người thì gọi là đất Mẹ. Có nghĩa là Mẹ hiện diện ở mọi nơi trên chốn nhân gian, ở đâu cũng có hình bóng Mẹ chở che. Có thể thấy đây là một đặc điểm rất đặc biệt của văn hóa Ấn Độ ngàn đời. Họ coi trọng tính nữ tới mức ngay cả vật tổ thờ cúng, để đạt sự thiêng tối cao thì nhất thiết phải mang tính nữ. Bò cái - vật tổ linh thiêng của Ấn Độ là một ví dụ. Có lẽ việc coi trọng tính nữ được xuất phát từ đặc điểm Ấn Độ là một đất nước nông nghiệp, do đó họ rất coi trọng sự sinh sôi nảy nở mà người phụ nữ là biểu trưng cho sự phồn thịnh này. Như vậy, “tính nữ”, người Mẹ hay nói rộng ra là người phụ nữ nói chung rất được đề cao trong văn hóa cổ đại của Ấn Độ.

Tuy nhiên, một số nhà nghiên cứu khác lại cho rằng, trong văn hóa dân gian Ấn Độ có sự đề cao tính nữ bởi đất nước này rất đề cao vấn đề nhục cảm. Trên thực tế, nếu nhìn xa hơn một chút thì chúng ta sẽ thấy không chỉ ở Ấn Độ mà hầu hết ở các nước nông nghiệp thậm chí trong các nền văn hóa cổ đại lớn của nhân loại thì đều có sự đồng dạng về văn hóa ở việc đề cao các hoạt động mang tính phồn thực. Theo một số tài liệu thì tại Ai Cập, hoạt động giao

hoan được coi là nghi lễ thiêng mang tính huyền bí có lịch sử 2.000 năm, nó được gọi là nghi lễ Hieros Gamos - theo tiếng Hy Lạp có nghĩa là hôn nhân thần thánh. Các thầy tu và thầy tế Ai Cập thường xuyên tiến hành nghi lễ này để tôn vinh sức mạnh sinh sản của nữ giới. Hoạt động này giống như một nghi thức giới tính nhưng nó không liên quan gì đến tính đa dâm. Nó là một hành động tinh thần. Người Ai Cập coi giao hoan là hành vi mà qua đó đàn ông và đàn bà cảm nhận về Chúa Trời. Người xưa tin rằng, đàn ông không đạt đến sự đầy đủ về tinh thần cho đến khi anh ta có những hiểu biết về nhục dục với nữ giới. Từ thời đại của Iris - nữ thần mẹ của Ai Cập, nghi thức giới tính đã được xem như là cầu nối duy nhất của người đàn ông từ Trái Đất lên tới Thiên đường. Và chúng ta cũng có thể thấy rằng quan điểm của người xưa về giới tính hoàn toàn khác với chúng ta ngày nay. Giới tính sinh ra cuộc đời mới - sự kì diệu phi thường - và sự kì diệu này chỉ có thể được thực hiện bởi một vị thần. Khả năng sinh nở của phụ nữ làm cô ta trở nên thiêng liêng như một vị thần.

Một ví dụ khác là truyền thống của người Do Thái cũng liên quan đến giới tính tinh thần. Trong thánh đường, người Do Thái sớm tin rằng, điện thờ phía trong của đền thờ Salomon không chỉ là chỗ ở của Chúa mà còn là chỗ ở của người phụ nữ. Khi người đàn ông tìm kiếm sự trọn vẹn về tinh thần, họ đến Đền Thờ viếng thăm những nữ tu để làm tình và thử nghiệm tính thiêng qua sự đồng nhất thể xác.

Ngay ở Việt Nam, trong tín ngưỡng và văn hóa dân gian, hoạt động giao hoan cũng được coi là một hoạt động mang tính thiêng. Không phải ngẫu nhiên mà cho đến bây giờ nhìn trên các thạp đồng cổ dùng để đựng hạt giống, chúng ta vẫn có thể thấy những cảnh nam nữ đang trong tư thế giao hoan với ý nghĩa sẽ cho mùa màng tươi tốt, bội thu. Ngay trên một số trống đồng, một vật thể được coi là linh thiêng, chúng ta cũng có thể nhìn thấy người xưa khắc nhiều hình ảnh nam nữ đang trong tư thế ôm nhau rất thắm thiết nhằm hướng tới một ý nghĩa thiêng. Ngày nay, ở một số lễ hội ở Việt

Nam, ngoài việc thờ cúng, tế lễ thánh thần, thì ở một số nơi vẫn tồn tại các hoạt động mang tính nghi lễ phồn thực như lễ hội Chen hay là hội Bất trạch trong chum ở Phú Thọ.

Như vậy không thể kết luận đơn thuần hoạt động giao hoan này mang sắc thái nhục cảm để giải thích cho sự đề cao tính nữ ở Ấn Độ mà cao hơn thế, nó liên quan đến tính thiêng.

Với người Ấn Độ, hoạt động giao hoan càng được coi là thiêng hơn bao giờ hết vì nó là sự bắt đầu cho việc báo đáp công ơn của cha mẹ sinh thành, trả nợ giống nòi. Luật Manu cũng nêu ra rằng: “Chỉ có một thân một mình thì chưa phải là một người đàn ông hoàn bị, muốn hoàn bị thì phải gồm bộ ba: bản thân, vợ và những đứa con” (W. Durant 1992, p. 152).

Quan niệm của người Ấn Độ về phụ nữ và tính nữ rất đặc biệt. Họ cho rằng trong tính cách và thân thể người đàn ông có mang một phần của người đàn bà. Trong bộ sách cổ Upanishads - người Ấn Độ nguyên thủy đã có cách hình dung về sự kết hợp giữa người đàn ông và người đàn bà như là một sự kết hợp kỳ diệu và hoàn bị để sáng tạo ra muôn loài. Họ quan niệm rằng, trong một con người luôn có hai phần: đực và cái, mỗi một giới tính chỉ làm nên một nửa con người và mỗi một nửa ấy luôn đi tìm kiếm một phần còn lại của mình và cho dù nửa kia có trải qua bao nhiêu hóa thân khác nhau thì cuối cùng vẫn nhận ra và kết hợp với nhau.

Kinh Upanishads chép về vị thần sinh ra muôn loài như sau: “Thực ra vị đó không biết vui là gì hết; chỉ có riêng vị đó là không vui vì lẻ loi, thiếu một bạn đời. Vị thần đó to lớn bằng một người đàn ông và một người đàn bà ôm chặt lấy nhau. Vị thần đó làm cho thân thể mình rớt làm hai phần: một phần thành một người đàn ông và một phần thành một người đàn bà... Vì vậy mà cái bản ngã như chỉ có một nửa” (W. Durant 1992, p. 45). Chỉ có kết hợp giữa hai nửa này mới được coi là một thực thể hoàn chỉnh.

Chúng ta cũng có thể thấy khá rõ điều này trong những bức tranh, bức tượng của người Ấn Độ cổ. Trong những hình ảnh này,

tính nữ nhiều khi được mô tả như là một nửa của vị thần nam. Cũng có lúc, tính nữ của vị thần nam lại được mô tả thông qua những đường nét gợi cảm, đặc trưng cho nữ giới như những đường cong mềm mại trên khuôn mặt (nét môi, gò má, con mắt, lông mi cong...) hay đường cong trên hình dáng khiến cho nhiều người nhận xét rằng đàn ông Ấn Độ có nhiều nét “xinh xắn” như đàn bà! Người Ấn Độ cho rằng sự kết hợp giữa người đàn ông và người đàn bà là một sự kết hợp mang tính vĩnh cửu và đầy đủ nhất. Một người đàn ông trưởng thành sẽ không thể sáng tạo thành công tuyệt đối, đạt tới đỉnh cao năng lực của bản thân nếu không có người đàn bà ở bên cạnh và thực hiện hoạt động giao hoan. Họ cho rằng hoạt động giao hoan nam nữ chính là hoạt động đề cao phụ nữ và tính nữ nhất. Chính vì thế mà không ở nơi đâu trên Trái Đất này lại đề cao tính dục và hoạt động giao hoan như ở Ấn Độ. Từ xa xưa, người Ấn Độ đã có một Kamasutra đầy những hình ảnh và hoạt động giao hoan nam nữ như là một bảo tàng nghệ thuật của sự kết hợp diệu kỳ; đã có một Khajuraho - kiệt tác về kiến trúc và điêu khắc ở Bắc Ấn Độ - đề cao hoạt động giao hoan nam nữ. Nói như vậy không có nghĩa là người Ấn Độ là người mang tính dục cao mà chính là trong hoạt động nam nữ, người Ấn Độ tìm thấy vẻ đẹp thực thụ của con người - nhất là vẻ đẹp thân thể của người phụ nữ. Họ cho rằng, những đường cong trên thân thể người con gái chính là một kỳ quan của giới hóa sinh.

Hơn thế nữa, hành động giao hoan đối với người Ấn Độ còn là nguyên tắc sinh tồn và phát triển có tính triết lý sâu sắc. Khác với lịch sử văn hóa các nước phương Đông thường coi trọng đàn ông; người Ấn Độ cổ coi thế giới được tạo nên từ 3/4 là tính nữ. Đặc biệt hơn, họ còn cho rằng người đàn ông và người đàn bà không bao giờ tách rời nhau, thậm chí muốn trở thành thánh thì lại càng phải có sự kết hợp này. Những người thuộc đẳng cấp Bà la môn muốn được siêu sinh phải trải qua các giai đoạn sau:

(a) Trước hết họ phải là một Brahmachari nghĩa là phải tự giữ tinh khiết.

(b) Giai đoạn thứ hai là giai đoạn Grihastha tức giai đoạn lấy vợ và có con trai để nối dõi tông đường.

(c) Giai đoạn thứ ba, muốn trở thành thánh thì người tu hành ấy phải dắt vợ vào ở ẩn nơi rừng núi vui vẻ một đời sống Varanpasta (hòa hợp với thiên nhiên), có ái ân với nhau thì chỉ để có con thôi nhưng bao giờ người đàn ông cũng phải có người đàn bà đi cùng.

(d) Sau khi đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các giai đoạn trên, một người có đạo đức và có may mắn mới có thể siêu sinh thực sự, thoát khỏi vòng luân hồi để đạt được sự siêu sinh vĩnh viễn (C. Buhler, 1993, VII.3).

Và sự kết hợp cao cả nhất, vĩnh cửu nhất của hai giới tính nam nữ mà người Ấn Độ coi là sự sáng tạo muôn loài chính là sự kết hợp giữa Dyaux (Trời cha) và Aditi (Đất mẹ) sinh ra các Aditya - tức muôn loài.

Như vậy, có thể thấy, văn hóa Ấn Độ cổ đặc biệt coi trọng tính nữ. Từ mỗi con người đến vạn vật trong thiên nhiên để có được đều cần và đều phải có “tính nữ”. Nếu không có tính nữ thì sẽ không có mọi tồn tại trên thế gian. Tính nữ là tính chủ đạo để tạo ra đời sống muôn loài. Đó cũng chính là một quan niệm hết sức độc đáo của người Ấn Độ về tính nữ và về người phụ nữ.

2. Sự kết nối không thể chia cắt giữa Shakta và Shakti

Tín đồ Hindu giáo gọi nữ thần là Devine hay Devi, còn Devi Maa có nghĩa là nữ thần Mẹ. Họ rất coi trọng sức mạnh của tính nữ, xem tính nữ là một nửa tạo nên thế giới và các nữ thần giữ một vai trò rất quan trọng trong niềm tin, tín ngưỡng của họ. Chính vì vậy trong tất cả các nghi lễ hay trong các thần thoại khi mà các vị thần nam tối cao thực hiện các nghi lễ cũng luôn phải có sự hiện diện của người phụ nữ - biểu hiện của Shakti, chỉ khi đó nghi lễ mới trở nên linh thiêng và có giá trị. Chính vì vậy mà các vị thần tối cao trong Hindu giáo luôn luôn có bạn đời - tính nữ - đi kèm, như: Shiva - Parvati, Vishnu - Lakshmi, Brahma - Saraswati,...

Ngài John Woodroffe đưa ra nhận xét: “Hãy nhìn về phía Đông của Euphrates, chúng ta thấy thiên thần hoàng hôn của Ấn Độ, Adya-Shakti và Maha-Shakti, hay quyền lực tối cao với nhiều cái tên như Gagadamba, Mẹ của thế giới, là cái tên bi kịch của Bà ... là Lalita” (Haripada Chakraborti 1996, p. 243).

Ở Ấn Độ, Người Mẹ Vĩ Đại được thờ phụng từ dãy Himalaya ở phía Bắc đến mũi Comorin ở cực Nam; ngay chính từ mũi Comorin cũng có nguồn gốc của Kanya Kumari hoặc Kumari Devi, Người Trinh nữ, như nữ thần thường được gọi. Kinh Vedas nói nhiều về các nữ thần. Hình ảnh của họ rạng rỡ với vẻ đẹp, sức mạnh và trí thông minh. Từ chính Kinh Vedas, các Mật điển Shakta, sách tụng bài nữ thần, lấy cảm hứng từ những nữ thần này. Trong Rig-Veda, nữ thần Sarasvati nhận được nhiều sự tôn kính: “Tinh khiết, Sarasvati, với tất cả sự hào phóng của Bà, giàu suy nghĩ, truyền cảm hứng cho chúng ta về sự thật, khiến cho chúng ta có những đức tính cần thiết, Sarasvati đánh thức chúng ta trong ý thức, soi sáng chúng ta trong suy nghĩ của chính mình”. Bà là hiện thân của trí thông minh, khoa học, nghệ thuật, và tất cả kiến thức.

Như đã đề cập ở trên, từ shakti xuất phát từ từ gốc shak, có nghĩa chính là “có khả năng, có sức mạnh”. Bất kỳ điều gì, bất kỳ hoạt động nào cũng phải có sức mạnh; nếu ta không thể nhìn thấy sức mạnh đó thì có nghĩa là nó đang tiềm ẩn. Đây là Adya-Shakti, năng lượng nguyên thủy hoặc lực phát ra từ mọi thứ. Shakti là phẩm chất động lực của Brahman, vị thần không thể diễn tả bằng lời, là đại ngã đứng sau mọi tiểu ngã, là sức mạnh của mọi sức mạnh. “Herbert Spencer, nhà triết học của khoa học hiện đại, thực hiện cuộc điều tra vượt ra ngoài vật chất, trong vũ trụ, dù là vật chất hay tâm lý, dù là tâm trí hay vật chất, là một trò chơi của tâm trí, sự sống và vật chất là những khía cạnh khác nhau của một quá trình vũ trụ từ Nguyên nhân đầu tiên. Đây cũng lại là một quan niệm của Ấn Độ” (Shakta và Shakti, by Sir John Woodruffe trích theo Haripada Chakraborti 1996, 259). “Lực lượng” này là Shakti - “Năng lượng thiêng”, như được giải thích trong nhánh những người tôn thờ

Shakti của Hindu giáo. Đó là “Nguyên lý vũ trụ”, “Bản thể vĩnh cửu”, được tượng trưng là Jaggadamba hoặc Người mẹ của vũ trụ. “Thế giới” trong tiếng Phạn được gọi là Jagat có nghĩa là “vật chuyển động”. Tín đồ Hindu giáo tin rằng mọi thứ đều ở trong trạng thái hoạt động không ngừng và chuyển động không ngừng.

Đối với tín đồ Hindu giáo, từ Shakti luôn mang nhiều ý nghĩa. Shakti có nghĩa là “sức mạnh” và theo nghĩa nhân quả cao nhất là Thiên Chúa như người Mẹ; ở một khía cạnh khác, nó ám chỉ những vũ trụ vô cùng vô tận phát ra không ngừng từ Thực tại vĩnh cửu. Ý tưởng về Shakti ngụ ý Thiên Chúa như người Mẹ và cũng có nghĩa là đề cao “sức mạnh” của Thiên Chúa. “Sự tôn sùng đối với Bà, với tư cách là Tịnh độ, Ý thức, Hạnh phúc, Sức mạnh, tồn tại dưới dạng Thời gian và Không gian và tất cả những gì ở đó, và Ánh sáng rạng rỡ trong tất cả chúng sinh”. Thánh điển Yoginiradaya Tantra đã viết như vậy.

Ngày nay, khoa học phương Tây nói về năng lượng như là vật chất tối thượng của tất cả các dạng vật chất. Nó đã có từ rất lâu đời với những người tôn thờ Shakti. Nhưng họ nói thêm rằng năng lượng đó chỉ là một biểu hiện hạn chế (như tâm trí và vật chất) của quyền lực tối cao vô hạn (Maha-Shakti), trở thành Bạc Đại toàn (Tat) là bản thể đơn nhất hiện tồn (Sat). Do đó, ý tưởng về thần, đối với nhiều người theo Hindu giáo, không liên quan đến một hình ảnh nam tính độc quyền. Trên cõi không biểu lộ, ngoài thân, còn có Brahma, vô tướng, toàn tri, toàn diện, toàn năng. Nhưng trên cõi được biểu lộ, Thiên Chúa có các hình thức, và sau đó Ngài được gọi là Ishvara, người đảm nhận các hình thức của Tam vị nhất thể - Brahma, Vishnu và Shiva. Trên cõi được biểu lộ, một số người gán hình ảnh thuộc tính nam cho các hình thức này, những người khác nhìn thấy Thiên Chúa qua hình dạng của một người phụ nữ; Thiên Chúa sau đó trở thành Shakti. Shakti, trên thực tế, là năng lượng thần thánh của Thiên Chúa; không có năng lượng này, Thiên Chúa là bất biến, là không thể chuyển hóa; Shiva mà không có Mahashakti vẫn trống rỗng, không thể thay đổi.

Mỗi vị thần trong Đền thờ Bách thần Hindu giáo là biểu hiện một phần của Ishvara, hoặc của Thiên Chúa được biểu lộ, và mỗi vị thần luôn đi cùng với người phối ngẫu của Ngài - Shakti. Vì Thiên Chúa là vô hạn, ngôn ngữ con người hạn chế nên không thể mô tả Ngài được. Ishvara là cá nhân và có thể tiếp cận được cho tất cả mọi người; mặc dù thực tế Ngài không tách rời khỏi Bà la môn tuyệt đối, nhưng Ngài được nhận ra là không thể tách rời chỉ sau khi con người có được nhận thức tâm linh.

Những người tôn thờ Shakti tin rằng bản chất thực sự của Shakti vượt ra ngoài lời nói, mô tả và quan niệm. Họ tin rằng Shakti tồn tại, xuất hiện dưới ba khía cạnh chính là Brahma, Vishnu và Shiva, do đó, các khía cạnh đa dạng của Shakti cũng tương ứng với các nữ thần khác nhau, bởi vì Maha-Shakti được thể hiện trong các hình ảnh khác nhau.

Khía cạnh của Shiva-cum-Shakti đại diện cho khái niệm kép về bản thể và sức mạnh. Shiva là người nắm giữ quyền lực; Ngài “là phước lành có nhận thức/ý thức” trong khi Shakti là sức mạnh và cái đang trở thành. Shiva đại diện cho khía cạnh có ý thức của thực tại; Shakti đại diện cho khía cạnh này với tư cách tâm trí, cuộc sống và vật chất. Shiva là khía cạnh giải phóng hoặc giải thoát (moksha) của thực tại, trong khi Shakti là hình thức của vũ trụ như luân hồi - samsara, dòng chảy của thế giới. Nhưng trước khi đi qua vũ trụ luân hồi rộng lớn này và có được ân sủng của Mẹ, không có sự giải phóng hay giải thoát nào cho chúng sinh. Vì Shiva-Shakti là một trong chính bản thân họ, tương tự moksha và samsara ở gốc rễ của chúng cũng là một.

Ardhanarishvara, hình ảnh của Shiva và Shakti được hiển thị như một nhân vật lưỡng tính, minh họa cho sự bình đẳng và không thể thiếu lẫn nhau của hai mặt trong một hiện tồn này. Trí tuệ Ấn Độ mang theo khái niệm này một cách có ý thức hoặc vô thức khi xác định vị thế của nữ giới. Nghệ thuật và văn học đề cập rất nhiều về chủ đề này.

Hình ảnh nữ thần đen Mahakali nhảy múa trên vùng đất thiêng trên mặt đất hòa táng, trên bộ ngực của Shiva khi Ngài nằm trơ trọi, với những con chó rừng đang gặm hộp sọ chảy máu, không phải là một bức tranh màu hồng của Thiên Chúa. Nó là biểu tượng nổi bật của sự thật vũ trụ, không phải tuân theo suy nghĩ mong muốn của nhân loại.

Nữ thần dưới khía cạnh này được gọi là Kali, bởi vì Bà có thể nuốt chửng kala hoặc thời gian. Mái tóc đen mượt của Bà chính là thời gian. Xương trắng của người chết nằm rải rác xung quanh Bà. Giống như cảnh đất cháy, chúng tượng trưng cho sự tan rã của vạn vật. Hình dạng đen tối của Bà là sự trống rỗng, khoảng chân không (Shunya). Là Digambari, Bà khỏa thân, nhưng sự trần trụi của Bà là chính không gian. “Một loạt các vũ trụ xuất hiện và biến mất cùng với việc mở và nhắm mắt của Bà”. Cách biểu hiện của Mẫu thần hay Mẹ hay biểu hiện vũ trụ này là một quá trình liên tục sáng tạo, duy trì và giải thể, thường được tượng trưng bởi tam vị nhất thể của Hindu giáo: Brahma, Vishnu và Shiva. Bà đang đứng trên bộ ngực của Shiva, bởi vì Shiva là khía cạnh siêu việt của ý thức. Bà và Ngài là hai khía cạnh giống nhau. Vòng hoa treo trên cổ Bà (varnamala) có số lượng năm mươi một, chính là đại diện cho các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Phạn; theo các tín đồ khác thì chúng biểu thị kiến thức tối cao. Nói chung, những chữ cái này tượng trưng cho vũ trụ của tên tuổi và hình dạng (namarupa).

Maya-Shakti là một thuộc tính của Shakti, trong đó Bà phác ra sáng tạo của mình, nguồn sáng tạo vô cùng đa dạng của Bà, trong đó không có sự bắt đầu và không có kết thúc, ngoại trừ trong các cuộc tan ra theo định kỳ của vũ trụ. Trang phục bên ngoài của Shakti là thế giới phi thường, sáng tạo dự kiến của Bà giống như một giấc mơ, như Vedanta mô tả. Shakespeare đã đúng khi nói rằng, “chúng ta là những thứ được tạo nên bởi giấc mơ”.

Shakti sinh ra từ ý chí của Bà về vũ trụ, thứ mà Bà hấp thụ và hòa tan trong sự hòa tan vũ trụ theo định kỳ. Toàn bộ cuộc sống, hữu hình hay vô hình, là chất tiềm ẩn của chính bản thân nó.

Maha-Kali hoặc Maha-Shakti hoặc Người mẹ vĩ đại chính là cuộc sống đó.

Cả thế giới là biểu hiện sống của nguồn gốc của mọi sự sống hay chính là cái tuyệt đối. Đôi khi, người ta chế giễu chống lại Hindu giáo rằng nó không biết thờ những “vị thần sống”. Điều đó ta không thể nói là có đúng hay không nhưng chắc chắn rằng là nó không tôn sùng một “thần chết”, dù có thể là gì đi chăng nữa. Có lẽ bởi “sống” có nghĩa là “cá nhân”. Nếu vậy, sự buộc tội là vô căn cứ. Ishvara và Ishvari là những người cai trị mọi tính cách và tính cách chính là các Ngài. Nhưng chính trong bản chất của chúng, chúng vượt ra ngoài mọi biểu hiện hay giới hạn mà tính cách, như chúng ta hiểu, khi liên quan đến con người, hay liên quan đến động vật và thực vật. Đó là sự thật, biểu hiện những hiện tượng mà chúng ta thường gọi là “sống”. Nhưng nếu nó không tuân theo những gì không thể hiện các hiện tượng thuộc về định nghĩa của chúng ta về cuộc sống thì chính nó sẽ bị “chết”. Cuộc sống không thể xuất hiện từ “cái chết”. Cuộc sống bắt nguồn từ sự sống. Nơi kết thúc hữu hình hoặc vô hình bắt đầu là nơi nào, nơi cuộc sống thực vật, rau quả và động vật bắt đầu và kết thúc là nơi nào, thực sự không có ranh giới rõ ràng. Toàn bộ hình thái tồn tại này được đề cập đến Maha-Shakti - tính nữ thiêng vĩ đại hoặc Maha-Maya - Ảo ảnh vĩ đại. Người mẹ vĩ đại tạo ra những giấc mơ của riêng mình, tiếp thu, tái tạo liên tục.

Shakti hoặc Maha-Maya - Ảo ảnh vĩ đại thể hiện bản thân mình trong tất cả các dạng của cuộc sống hoặc vật chất và phi vật chất. Trong đời sống thực vật, chẳng hạn, Bà biểu lộ chính mình. Tất cả các tài liệu Hindu giáo cổ đại nói về sự nhạy cảm của cả thực vật và khoáng sản. Udayana nói rằng thực vật có ý thức ngủ đông. Chakrapani cũng khẳng định rằng thực vật sở hữu một loại “ý thức hôn mê”; bất kể mức độ cảm giác nào cũng có thể tách động vật thấp nhất ra khỏi đời sống thực vật hoặc thực vật cao nhất, vấn đề chỉ là tìm ra cái độ cần và đủ đó. Ngay cả Luật Manu cũng đề cập đến niềm vui và nỗi đau của đời sống thực vật. Những quan niệm

cổ xưa của Hindu giáo về “cuộc sống toàn diện” xuất phát từ ý tưởng về nguyên lý vũ trụ, làm nền tảng cho mọi thứ. Trong sử thi Mahabharata, nhà hiền triết BhRgu nói với nhà hiền triết Bharadwaj rằng thực vật sở hữu nhiều loại giác quan khác nhau khi chúng phản ứng với âm thanh, sức nóng, thị giác, khứu giác và vị giác. Ta có thể thấy những phẩm chất phổ quát đã được trao cho những nhà hiền triết Ấn Độ cổ đại này.

Người mẹ vĩ đại (hay Mẫu thần) đã tạo ra, hủy diệt và biến đổi không ngừng. Người nào nhận ra linh hồn thiêng mà anh ta đang mang trong mình cần phải làm mọi thứ trong khả năng của mình để phá vỡ xiềng xích của ảo ảnh. Anh ta phải tự giải thoát mình bằng cách suy ngẫm về Mẹ, để phá bỏ thân phận là atma (tiểu ngã hay linh hồn) trong Paramatman (vị thần tối linh) đó.

Nhưng trước khi con người có thể có được đặc quyền giải thoát khỏi chuỗi sinh tử và biến đổi này, anh ta phải vượt qua tất cả các trạng thái ý thức thấp hơn; điều này có nghĩa là theo ước tính cổ điển có khoảng 8.400.000 dạng tồn tại như thực vật, động vật thủy sinh, côn trùng, chim, thú dữ và khi trước khi được sinh ra như con người. Sau đó, anh ta được sinh ra qua 200.000 những phẩm chất thấp kém của loài người. Chỉ từ từ và dần dần, con người mới bắt đầu ý thức về một cuộc sống cao quý hơn và tốt đẹp hơn. Khoa học về yoga nhằm giúp anh ta thực hiện nhiệm vụ khai sáng và giải phóng. Cho đến khi cuối cùng anh ta được giải thoát khỏi thế giới phi thường này, anh sẽ trở lại Trái Đất hết lần này đến lần khác; vì sự trở lại của anh là chắc chắn, sự giải thoát của anh ta cũng vậy. Trong thực tế, giải phóng tinh thần là quyền sinh ra của con người.

Quan điểm này được nắm giữ bởi tất cả các phái của Hindu giáo; phái thờ Vishnu, phái thờ Shiva và phái Shakti đều giống nhau về mặt này; không ai trong số họ khác nhau trong nguyên tắc cơ bản này. Tương tự như vậy, Đức Phật đã nói về những kiếp trước của mình trước khi đạt được Phật quả. Vì vậy, tất cả các tôn giáo được sinh ra từ nguồn của Hindu giáo đều có cùng quan điểm như vậy.

3. Nguồn gốc ban đầu và sự phát triển về triết lý của Shaktism

3.1. Trong Rig Veda

Một trong những bằng chứng sớm nhất về sự tôn thờ tính nữ thiêng của Thiên Chúa trong Hindu giáo xuất hiện trong chương 10.125 của Rig Veda, còn được gọi là bài thánh ca Devi Suktam - tại các phần 10, 11, 12.

“Ta là Nữ hoàng, người ban phát các kho báu chu đáo nhất cho những ai có công thờ phụng ta.

Các vị thần đã thiết lập nhà khắp nơi để ta vào ở.

Chỉ qua chính ta, mọi người mới biết ăn, biết nhìn, biết thấy, biết thở và biết nghe những lời thẳm thẳm.

Mọi người không biết điều đó nhưng ta vẫn sống trong tinh túy của Vũ trụ.

Hãy mãi mãi lắng nghe sự thật mà ta tuyên bố.

Ta, chính ta, thốt ra những lời mà cả Thần và người đều chào đón.

Ta khiến người ta yêu có sức mạnh vượt trội, khiến họ được nuôi dưỡng như một nhà hiền triết và biết thấu thị Đại Ngã.

Ta bẻ gãy cung của Rudra (Shiva) vì mũi tên của thần có thể giết chết sự sùng bái.

Ta chiến đấu và ra lệnh cho mọi người chiến đấu, ta tạo ra cả Trái đất lẫn Thiên đàng và tồn tại như Người kiểm soát tận thâm sâu của chúng.

Trên đỉnh thế giới, ta sinh ra Trời - Cha,

Nhà ta ở trong nước, trong đại dương hay Nước - Mẹ.

Ta tràn ngập tất cả các sinh vật hiện tồn như Siêu ngã tối cao của chúng, và biểu lộ chúng bằng cơ thể của mình.

Ta tạo ra các thế giới theo ý mình, không có sinh mệnh nào cao hơn, lan toả và thấm sâu vào chúng hơn ta.

Ý thức vĩnh cửu và vô hạn là ta, chính sự vĩ đại của ta đang sống trong vạn vật”.

Devi Sukta, Rigveda, 10.125.3 - 10.125.8 (10-11-12)

Các thánh điển quan trọng khác của Shaktism bao gồm các thánh điển về hệ tư tưởng và triết học như Shakta Upanishads và Thần tích Upa (Krishna Warriar 1999, ix-x); hệ thống thần thoại thờ Shakti như Devi Purana (Thần tích về Nữ thần), Kalika Purana (Thần tích về nữ thần Kali) (Bhattacharyya 1996, 164), Lalita Sahasranama (trích từ Brahmanda Purana - Thần tích về Đại ngã mang tính nữ) (Dikshitar 1999, 1-36) (Brown 1998, 8, 17, 10, 21, 320). Tripura Upanishads (Thần ca về ba thành phố) là phần giới thiệu đầy đủ nhất trong lịch sử Ấn Độ về Mật tông Shakta (Brooks 1990, xiii-xiv), đã đề cập trong 16 câu thơ của nó tới gần như mọi chủ đề quan trọng trong truyền thống Mật tông thờ tính nữ thiêng (Brooks 1990, xvi). Cùng với Tripura Upanishads, Tripuratapini Upanishads (Thần ca về người thờ phụng ba thành phố) đã thu hút giới bình luận học thuật trong suốt nửa sau của thiên niên kỷ thứ 2, như Bhaskararaya (Brooks 1990, 37-38) và Ramanand (Brooks 1990, 221). Các thánh điển này coi truyền thống Mật tông Shakti như một thuộc tính của Veda (Dasgupta 1996, 3), tuy nhiên, mối liên kết này thường khiến các học giả tranh cãi (Brook 1990, xiii-xiv, xvi, 21).

3.2. Trong thần học Shaktism

Trong thần học Shaktism, nữ tính và nam tính là những thực tại tương hỗ lẫn nhau, được biểu thị bằng biểu tượng Ardhanarishvara - nửa nam nửa nữ. Tín đồ thờ tính nữ thiêng quan niệm nữ thần là thực tại tối cao, tối thượng, vĩnh cửu của mọi sự tồn tại, giống như khái niệm Brahman - Đại ngã của Hindu giáo. Đồng thời, tính nữ được coi là nguồn gốc của mọi sáng tạo, hiện thân của sáng tạo, là năng lượng điều khiển và chi phối nó, và theo đó, mọi thứ cuối cùng sẽ tan biến vào trong tính nữ (Bhattacharyya 1996, 1). Theo V. R. Ramachandra Dikshitar -

giáo sư về lịch sử Ấn Độ, trong thần học thờ tính nữ thiêng, “Brahman là Shakti tĩnh tại và Shakti là Brahman năng động” (Dikshitar 1999, 77-78).

Shaktism xem Devi - Nữ thần - là nguồn gốc, bản chất và tinh túy của mọi thứ trong sáng tạo (J. Gordon Melton 201. 2600-2602). Devi-Bhagavata Purana (Thần tích Nữ thần ca) tuyên bố: “Ta là thiên tính hiển nhiên, tính không tưởng minh và thiên tính siêu việt. Ta là Brahma, Vishnu và Shiva, cũng là Saraswati, Lakshmi và Parvati. Ta là Mặt Trời và ta là sao, và ta cũng là mặt trăng. Ta là tất cả muông thú và chim, và ta cũng là người cùng đĩnh và là kẻ trộm. Ta là kẻ thấp kém làm những việc đáng sợ, và là bậc vĩ nhân của những kỳ tích tuyệt vời. Ta là Nữ, ta là Nam dưới dạng Shiva” (Srimad Devi Bhagavatam, VII.33.13-15, trích từ Brown 1991).

Phái thờ tính nữ thiêng tập trung vào tính nữ thiêng nhưng không ngụ ý từ chối nam tính. Nó bác bỏ thuyết nhị nguyên nam - nữ, linh hồn - thể xác, siêu việt - tầm thường, coi thiên nhiên như thần thánh. Devi - nữ thần được coi là chính vũ trụ. Bà là hiện thân của năng lượng, vật chất và linh hồn, là động lực thúc đẩy đằng sau mọi hành động và sự tồn tại trong vũ trụ vật chất (Neela B Saxena 2012.134-138, 140). Tuy nhiên, C. MacKenzie Brown cho rằng, trong phái thờ tính nữ thiêng, nam tính và nữ tính là những hóa thân của hiện thực siêu phàm, siêu việt (Brown 1991, 217). Trong biểu tượng của Hindu giáo, động lực vũ trụ là sự tương hỗ lẫn nhau và cân bằng giữa nam tính - nữ tính, được thể hiện trong sự kết hợp giữa một nửa của thần Shakti và một nửa thần Shiva được gọi là Ardhanari (Yadav 2001).

June McDaniel nói rằng các tiền đề triết học trong nhiều thánh điển thờ Shakti là sự tổng hòa của các trường phái triết học Hindu giáo Samkhya và Advaita Vedanta, được gọi là Shaktadavaitavada (nghĩa đen là con đường của Shakti bất nhị nguyên) (June McDaniel 2004, 89-91).

3.3. Trong *Devi Gita - Nữ thần ca*

Cuốn thứ bảy của Devi-Bhagavata Purana (Nữ thần chí tôn ca) trình bày thuyết thần học của Phái thờ tính nữ thiêng. Cuốn sách này được gọi là Devi Gita, hay Nữ thần ca (Rocher 1986, 170) (Cheever Mackenzie Brown 1998, 1-2, 85-98). Nữ thần giải thích Bà là một đạo sĩ Bà la môn tạo ra thế giới, khẳng định tiền đề Advaita qua sự giải thoát tâm linh - chỉ xảy ra khi người ta thấu hiểu hoàn toàn bản sắc của linh hồn con người và Đại ngã (Rocher 1986, 170) (Cheever Mackenzie Brown 1998, 12-17). Nữ thần khẳng định rằng sự thấu hiểu này xuất phát từ việc buông xả Ngã - bản thân ta khỏi thế giới và thấu hiểu tâm hồn của chính mình (Rocher 1986, 170) (Tracy Pinchman 2014, 131-138).

Devi Gita - Nữ thần ca, giống như Bhagavad Gita - Chí Tôn ca, là một chuyên luận triết học hàm súc (Cheever Mackenzie Brown 1998, 179-198). Nó thể hiện tính nữ thiêng như một Đấng sáng tạo quyền năng và từ bi, người lan tỏa và bảo vệ vũ trụ (Cheever Mackenzie Brown 1998, 1-3). Bà được trình bày trong chương mở đầu của Devi Gita với tư cách là người mẹ thế giới vừa hiền lành vừa xinh đẹp, được gọi là Bhuvaneshvari (nghĩa đen là người cai trị vũ trụ) (Tracy Pinchman 2014, 26-28) (Cheever Mackenzie Brown 1998, 179-198). Sau đó, thánh điển trình bày các giáo lý thần học và triết học (Cheever Mackenzie Brown 1998, 1-3).

“Linh hồn và Nữ thần

Âm tiết thiêng liêng của Ta là ह्रीम् (phát âm như hrim, nghĩa là - siêu việt)

Sự phân biệt giữa gọi tên và được đặt tên,

Vượt lên trên mọi sự nhị nguyên.

Nó là toàn thể,

Vô hạn, thấu thị và phúc lạc.

Người nên suy tưởng về thực tại đó,

Trong ánh sáng rực cháy của ý thức.

Việc sửa đổi tâm trí phải dựa vào Ta,
 Như Nữ thần vượt mọi không và thời gian,
 Người hãy nhanh hợp nhất với Ta bằng cách nhận ra,
 Sự đồng nhất của linh hồn và Đại ngã”.

Devi Gita, Dịch: Lynn Fouston, Stuart Abbott, Devibhagavata Purana, quyển 7 (Lynn Foulston Stuart Abbott 2009, 74-75)

Devi Gita mô tả Devi (hay nữ thần) là cư dân của “năng lượng vũ trụ, phổ quát” trong mỗi cá nhân. Do đó, nó được theo đuổi theo thuật ngữ của trường phái triết học Hindu giáo Samkhya (Cheever Mackenzie Brown 1998, 1-3). Văn bản này tràn ngập các ý tưởng của Advaita Vedanta, trong đó nhấn mạnh tính bất nhị nguyên, tất cả những gì là nhị nguyên đều bị tuyên bố là không chính xác, và sự thống nhất của tất cả các linh hồn đang sống với Brahman - Đại ngã được coi là tri thức để giải phóng (Tracy Pinchman 2014, 9, 34, 89-90, 131-138) (Lynn Foulston \$Stuart Abbott 2009, 15-16). Tuy nhiên, Tracy Pintchman - giáo sư nghiên cứu tôn giáo và Hindu giáo cho biết thêm, Devi Gita kết hợp các ý tưởng Mật tông đã tạo cho Devi một hình dạng và tình mẫu tử thay vì khái niệm trung lập về giới tính của Advaita Vedanta của Adi Shankara (Tracy Pinchman 2014, 9-10).

3.4. Trong Mật tông

Các nhánh của Phái thờ tính nữ thiêng trong Mật tông đề cập đến các kỹ thuật, việc thực hành và nghi thức thờ cúng liên quan đến thần chú, tục xăm thiêng, nghi thức hợp giao nam nữ, các động tác làm phép bằng tay và một số yếu tố của yoga kundalini¹ truyền thống, thường được thực hành dưới sự hướng dẫn của một đạo sư có trình độ (diksha) và hướng dẫn truyền khẩu để bổ sung cho các nguồn tài liệu bằng thánh điển khác nhau (Brooks 1990, 47-72). Đã

¹ Kundalini yoga là một trường phái yoga chịu ảnh hưởng của các trường phái thờ tính nữ thiêng và Mật tông của Hindu giáo. Nó tập trung vào việc đánh thức năng lượng kundalini thông qua thực hành thường xuyên về thần chú, mật chú, yoga hoặc thiền định.

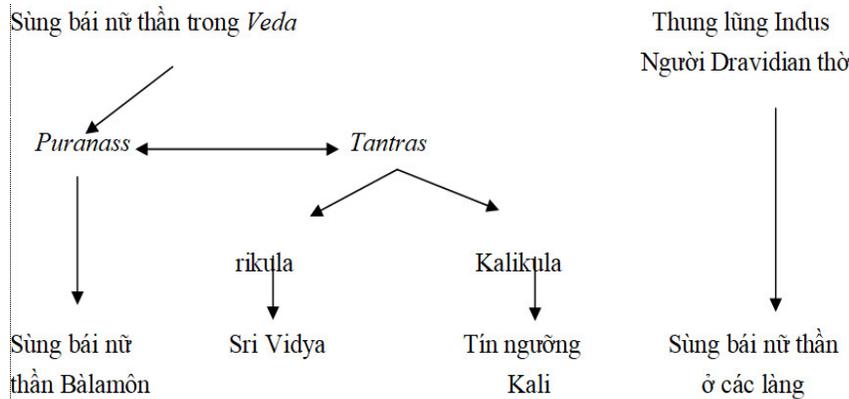
có một cuộc tranh luận mang tính lịch sử giữa các nhà thần học thờ tính nữ thiêng về việc liệu các thực hành Mật tông có thuộc về truyền thống Veda hay không (Brooks 1990, xii) (Brook 1990, xiii–xiv, xvi, 21).

Nguồn gốc của Mật tông thờ tính nữ thiêng không rõ ràng, nó có thể là một truyền thống cổ xưa và độc lập so với truyền thống Veda của Hindu giáo. Sự tương tác giữa các truyền thống Veda và Mật tông bắt nguồn từ ít nhất vào thế kỷ VI (Brooks 1990, xii) và theo Geoffrey Samuel, sự phát triển của truyền thống Mật tông cuối thời Trung cổ là một phương tiện để đối đầu với các cuộc xâm lược của Islam giáo và sự bất ổn chính trị trong và sau thế kỷ XIV (Geoffrey Samuel 2010, 60-61, 87-88, 351-356).

4. Một số nhận xét

4.1. Sự hình thành tín ngưỡng thờ cúng nữ thần tại Ấn Độ

Giữa thời kỳ sáng tác Veda và Puranass, ít có những bằng chứng văn học về việc thờ cúng nữ thần tại Ấn Độ, mặc dù có trong nghệ thuật điêu khắc Phật giáo và Kỳ Na giáo. Bức tranh chung chỉ ra rằng, các đẳng cấp thấp, nữ thần địa phương thâm nhập vào và dựa vào các truyền thống Bà la môn. Một vài trong số nữ thần có nguồn gốc Dravidian thay vì Aryan.



Sơ đồ 1: Sự phát triển của truyền thống thờ cúng nữ thần

Mahabharata được sáng tác bởi đẳng cấp Bà la môn đã thể hiện một số hình ảnh về quyền năng phá hủy nữ dưới dạng bảy hoặc tám Matrkas, “Mẫu thần - Mẹ” và một số loài quỷ dữ khác. Matrkas được miêu tả như sự đen tối, sống ngoài xã hội và đem lại điều không may mắn, đặc biệt là đối với trẻ con. Nữ thần Kali hung tợn được nói đến trong Mahabharata bắt nguồn từ vợ thần Shiva hay nổi giận, Nữ thần Uma hay Parvati, và Durga đáng được khen ngợi trong sự tán dương của Arjuna để đánh bại kẻ thù (Kinsley 1988, tr. 107-9; 152-5).

Tại Nam Ấn Độ, có những bằng chứng về sự thờ cúng nữ thần tồn tại từ những thế kỷ đầu Công nguyên và văn học Cankam ở Tamil đã đề cập đến Koravi, nữ thần chiến thắng Marvars được ủng hộ qua các nghi lễ tự sát (Hiltebeitel, 1988, tr. 318). Tuy nhiên, phải đến Puranas chúng ta mới thấy sự phát triển của các tư tưởng thần học và truyền thuyết Shakta, tư tưởng độc nhất, tất cả vì “Đại nữ thần” (Mahadevi) - người bao trùm lên tất cả các vị thần khác.

4.2. So sánh phái thờ tính nữ thiêng với các phái Hindu giáo khác

Phái thờ tính nữ thiêng đôi khi bị coi là một thực hành ma thuật đen tối mê muội, không đủ điều kiện để trở thành một tôn giáo thực sự (Urban 2003). Ta có thể thấy sự chỉ trích điển hình từ một học giả Ấn Độ trong những năm 1920:

“Các Mật điển là Kinh thánh của Phái thờ tính nữ thiêng xác định tất cả các sức mạnh với nguyên tắc tính nữ trong tự nhiên và chỉ dạy một sự tôn thờ không đáng có đối với những người vợ của Shiva và Vishnu mà bỏ rơi các bản sao nam tính của họ. Một điều chắc chắn là một số lượng lớn cư dân Ấn Độ được hướng dẫn trong cuộc sống hàng ngày qua cách giảng dạy của phái Mật tông và bị trói buộc vào những sự mê tín thô thiển khắc sâu trong những tác phẩm này. Có thể nói rằng phái thờ tính nữ thiêng chính là Hindu giáo ở giai đoạn phát triển tồi tệ nhất và thối nát nhất của nó” (Kapoo 2002, 157).

Các thực hành Mật tông mang tính bí truyền càng chịu sự suy đoán và chỉ trích. Các học giả khác nhau gán sự thiếu hiểu biết, hiểu lầm hoặc thiên vị giáo phái cho sự chỉ trích như vậy của một số nhà quan sát nhưng cũng coi các thực hành của một số tín đồ Shaktism là vô đạo đức. Đây là một số lý do khiến nhiều tín đồ Hindu giáo nghi ngờ sự liên quan và tính lịch sử của Mật tông đối với truyền thống của họ (White 2003, 262).

4.3. Đặc điểm của tính nữ thiêng trong phái Shakti Hindu giáo

Thứ nhất, tính nữ thiêng được thể hiện thông qua hình tượng các nữ thần

Có thể nói tín đồ Hindu giáo rất coi trọng và tôn sùng tính nữ thiêng. Thông qua các vị nữ thần, tín đồ Hindu giáo đã thể hiện sự sùng bái đó của mình. Tuy nhiên, không phải nữ thần nào cũng được khắc họa giống nhau mà mỗi nữ thần lại mang những đặc điểm, đặc trưng khác nhau. Một số nữ thần mang tính cách mạnh mẽ, độc lập và là những chiến binh vĩ đại như nữ thần Kali. Song một số khác lại gắn kết chặt chẽ với những vị nam thần - phối ngẫu của mình, như: nữ thần Parvati, nữ thần Lakshmi... Một số nữ thần khác gắn liền với sông, núi, thiên nhiên, như: nữ thần sông Hằng, trong khi số khác lại liên quan đến văn hóa, thẩm mỹ và nghệ thuật, như: nữ thần Saraswati.

Thứ hai, tính nữ trong Hindu giáo có vị trí quan trọng, ngang bằng so với tính nam

Đặc điểm nổi trội nhất của tính nữ trong Hindu giáo đó là tính nữ - nữ thần có vai trò ngang bằng so với tính nam - các vị nam thần. Nếu như trong một số tôn giáo khác, tính nữ không được đề cao thì với Hindu giáo tính nữ lại có vai trò vô cùng quan trọng đôi khi còn lấn át cả tính nam. Bằng chứng là việc những vị nam thần đóng vai trò quan trọng nhất trong Hindu giáo thì đều có người phối ngẫu của mình là những vị nữ thần cũng mang sức mạnh, quyền năng vô cùng lớn. Ví dụ, thần Shiva có vợ là nữ thần Parvati (nữ thần sáng thế tối cao), thần Vishnu có vợ là nữ thần Lakshmi

(nữ thần của sự giàu có và thịnh vượng), hay nữ thần Saraswati (nữ thần của kiến thức và nghệ thuật) là vợ của thần Brahma. Bên cạnh đó, còn có những nữ thần khác tồn tại độc lập và đóng vai trò vô cùng quan trọng trong tín ngưỡng của tín đồ Hindu giáo như nữ thần Kali - nữ thần của sự chết chóc, nữ thần sông Hằng, v.v...

Thứ ba, tính nữ thiêng gắn liền với các huyền thoại, truyền thuyết

Những nữ thần trong Hindu giáo đều gắn liền với các huyền thoại, mang màu sắc tâm linh huyền bí. Các nữ thần luôn có sự kết hợp đan xen giữa tư duy mang tính vũ trụ (trời, đất, nước) và tư duy huyền thoại (thiên thần, sơn thần, thủy thần). Các nữ thần đều được gắn với các quyền năng siêu nhiên huyền bí, và mỗi nữ thần đều có những trọng trách riêng, vai trò vị trí riêng. Ví dụ, nữ thần Parvati là nữ thần sáng thế tối cao, mẹ của vũ trụ, nữ thần Lakshmi là nữ thần đem đến sự thịnh vượng, hạnh phúc cho con người...

Nguồn gốc, sự ra đời của các nữ thần cũng mang đậm màu sắc huyền bí. Ví dụ, nữ thần Lakshmi được sinh ra và lớn lên trên một đóa hoa sen từ biển sữa. Bên cạnh đó mỗi nữ thần còn có nhiều hiện thân, tên gọi khác nhau, như nữ thần Parvati có đến hơn 100 tên gọi (David Kinsley 1988, 61), chính điều đó đã khiến cho có rất nhiều huyền thoại, truyền thuyết khác nhau về mỗi nữ thần. Và những truyền thuyết này được truyền từ đời này qua đời khác trong các tầng lớp nhân dân, qua đó cũng dần dần được bổ sung và hoàn thiện.

Thứ tư, tính nữ thiêng gắn liền với đời sống, mang tính phổ biến

Như đã đề cập, vai trò của tính nữ trong đời sống của tín đồ Hindu giáo là rất quan trọng và có từ rất lâu đời. Vì vậy, nó có vai trò, vị trí vô cùng quan trọng trong cuộc sống thường ngày của các tầng lớp nhân dân. Thờ tính nữ, nữ thần có mặt khắp mọi nơi trên đất nước Ấn Độ, từ nông thôn đến thành thị, trong các đẳng cấp khác nhau từ đẳng cấp cao nhất là Brahma đến đẳng cấp thấp nhất là Shudras. Mọi người treo ảnh các nữ thần trong nhà, lập đền thờ,

điện thờ nữ thần trong nhà nhằm mong những điều tốt lành, may mắn sẽ đến...

Thứ năm, tính nữ thiêng gắn liền với các lễ hội của tín đồ Hindu giáo

Ấn Độ có một nền văn hóa phong phú và đặc sắc, trong đó lễ hội là một trong những nhân tố quan trọng làm nên nét độc đáo cho nền văn hóa nơi đây. Hàng năm ở Ấn Độ có vô số các lễ hội được tổ chức, trong đó có một phần rất lớn các lễ hội gắn liền với việc tôn thờ các nữ thần. Các lễ hội là dịp để tín đồ Hindu giáo bày tỏ lòng thành kính và tôn vinh các nữ thần, thông qua đó cầu nguyện những điều tốt lành, may mắn và hạnh phúc. Các lễ hội lớn gắn liền với các nữ thần là lễ hội Diwali, lễ hội Naravatri, lễ hội Teej, v.v...

Kết luận

Bài viết đã giới thiệu về tính nữ thiêng nói chung trong các nền văn hóa và quan niệm của tín đồ Hindu giáo về tính nữ thiêng nói riêng. Trong văn hóa truyền thống Ấn Độ, có một sự kết nối không thể chia cắt giữa Shakta (những người tôn thờ tính nữ thiêng) và Shakti. Qua việc đi sâu phân tích nguồn gốc ban đầu và sự phát triển về triết lý của Shaktism, tác giả - ĐTH, đã đưa ra một số nhận xét như sự hình thành tín ngưỡng thờ cúng nữ thần tại Ấn Độ, so sánh phái thờ tính nữ thiêng với các phái Hindu giáo khác và đặc điểm của tính nữ thiêng trong Shaktism của Hindu giáo. Đây chính là một trong những nét đặc sắc nhất của văn hóa Ấn Độ và hiện vẫn là vấn đề nóng mà các nhà nghiên cứu học thuật và các nhà hoạch định chính sách trong và ngoài Ấn Độ quan tâm tìm hiểu. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lưu Đức Trung (1996), Văn học Ấn Độ ở Việt Nam, *Văn học nước ngoài*, số 4, tr. 21.
2. W. Durant (1992), *Lịch sử văn minh Ấn Độ* (Nguyễn Hiến Lê dịch), Trung tâm thông tin Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

3. C. Buhler (1993), *Manu*, Vol. 25 in *Sacred Books of the East*, ed. F. Marx Muller, Motilal Banarsidass Publishers. LTD. New Delhi, India, VII.3.
4. Bhattacharyya, N. N. (1996) (1974), *History of the Sakta Religion* (2nd ed.). New Delhi: Mushiram Manoharlal Publishers.
5. Bhattacharyya, N. N. (1977) (1970), *The Indian Mother Goddess* (2nd ed.). New Delhi: South Asia Books.
6. Brooks, Douglas Renfrew (1990), *The Secret of the Three Cities: An Introduction to Hindu Shakta Tantrism*. Chicago: The University of Chicago Press. ISBN 978-0-226-07569-3.
7. Brooks, Douglas Renfrew (1992), *Auspicious Wisdom: The Texts and Traditions of Srividya Shakta Tantrism in South India*. Albany: State University of New York. ISBN 978-0-7914-1146-9.
8. Brown, C. MacKenzie (1991), *The Triumph of the Goddess: The Canonical Models and Theological Issues of the Devi-Bhagavata Purana*. SUNY Series in Hindu Studies. State University of New York Press. ISBN 978-0-7914-0364-8. Brown, C. Mackenzie (1998). *The Devi Gita: The Song of the Goddess: A Translation, Annotation and Commentary*. Albany: State University of New York Press. ISBN 978-0-7914-3940-1.
9. Dasgupta, S (1996), *Journal of the Indian Musicological Society*. 27–28. Indian Musicological Society.
10. Dempsey, Corinne G. (2006), *The Goddess Lives in Upstate New York: Breaking Convention and Making Home at a North American Hindu Temple*. New York: Oxford University Press.
11. Dikshitar, V. R. Ramachandra (1999) (1942), *The Lalita Cult*. Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd.
12. Fell McDermott, Rachel (1998), The Western Kali, in Hawley, John; Wulff, Donna Marie (eds.) (eds.). *Devi: Goddesses of India*. Motilal Banarsidass ISBN 978-81-208-1491-2.
13. Hawley, John Stratton (1998), The Goddess in India, in Hawley, John; Wulff, Donna Marie (eds.) (eds.). *Devi: Goddesses of India*. Motilal Banarsidass. ISBN 978-81-208-1491-2.
14. Haripada Chakraborti (1996), *Sakta Tantrik Cult in India - An Old Book*, Publisher: Punthi Pustak; ISBN: 8186791019.
15. Hildebeitel (1988), *Draupadi Beliefs*, Volume 1, University of Chicago Press.
16. Joshi, M. C. (2002), Historical and Iconographical Aspects of Shakta Tantrism, in Harper, Katherine; Brown, Robert L. (eds.) (eds.). *The Roots of Tantra*. Albany: State University of New York Press. ISBN 978-0-7914-5305-6.
17. Kali, Davadatta (2003), *In Praise of the Goddess: The Devimahatmya and its Meaning*. Berwick, ME: Nicolas-Hays, Inc.
18. Kapoor, Subodh (2002) (1925), *A Short Introduction to Sakta Philosophy*. New Delhi: Indigo Books.

19. Kinsley, David (1987), *Hindu Goddesses: Visions of the Divine Feminine in the Hindu Religious Tradition*. Motilal Banarsidass. ISBN 978-81-208-0391-7.
20. Kinsley, David (1998), *Tantric Visions of the Divine Feminine: The Ten Mahavidyas*. Motilal Banarsidass. ISBN 978-81-208-1523-0.
21. Krishna Warriar, A. J. (1999) (1967), *The Śākta Upaniṣads*. The Adyar Library and Research Center, Library Series. 89 (3rd. ed.). Chennai: Vasanta Press.
22. McDaniel, June (n.d.), “*Bengali Shakta. Countries and Their Cultures*.” Advameg, Inc.
23. Nikhilananda, Swami (trans.) (2000) (1942), *The Gospel of Shri Ramakrishna* (9th ed.). New York: Ramakrishna-Vivekananda Center.
24. Pattanaik, Devdutt (2000), *Devi the Mother-Goddess: An Introduction*. Mumbai: Vakils, Feffer and Simons Ltd.
25. Pechilis, Karen (ed.) (2004), *The Graceful Guru: Hindu Female Gurus in India and the United States*. New York: Oxford University Press.
26. Subramuniyaswami, Satguru Sivaya (2002) (1999), *Merging with Siva: Hinduism's Contemporary Metaphysics* (2nd ed.). Hawaii: Himalayan Academy. ISBN 978-0-945497-99-8.
27. White, David Gordon (2003), *Kiss of the Yogini: “Tantric Sex” in its South Asian Contexts*. Chicago: University of Chicago Press. ISBN 978-0-225-89483-6.
28. Woodroffe, Sir John (1951) (1927), *Sakti and Sakta: Essays and Addresses on the Shākta Tantrashāstra*. Ganesh & Company. ISBN 978-1-60620-145-9.
29. Yadav, Neeta (2001), *Ardhanārīśvara in Art and Literature*. New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd.
30. Lynn Foulston; Stuart Abbott (2009), *Hindu Goddesses: Beliefs and Practices*. Sussex Academic Press. ISBN 978-1-902210-43-8.
31. Bolon, Carol Radcliffe (1992), *Forms of the Goddess Lajja Gauri in Indian Art*. University Park, PA: Penn State University Press.
32. Erndl, Kathleen M. (1992), *Victory to the Mother: The Hindu Goddess of Northwest India in Myth, Ritual, and Symbol*. New York: Oxford University Press.
33. Johnsen, Linda (2002), *The Living Goddess: Reclaiming the Tradition of the Mother of the Universe*. Yes International. ISBN 978-0-936663-28-9.
34. Joshi, L. M. (1998), *Lalita Sahasranama: A Comprehensive Study of the One Thousand Names of Lalita Maha-tripurasundari*. New Delhi: D.K. Printworld (P) Ltd.
35. C Mackenzie Brown (1990), *The Triumph of the Goddess: The Canonical Models and Theological Vision of the Devi- Bhagavata Purana*. State University of New York Press. ISBN 978-0-7914-0364-8.

36. Cheever Mackenzie Brown (1998), *The Devi Gita: The Song of the Goddess: A Translation, Annotation and Commentary*. State University of New York Press. ISBN 978-0-7914-3939-5.
37. Coburn, Thomas B. (1991), *Encountering the Goddess: A Translation of the Devi-Mahatmya and A Study of Its Interpretation*. State University of New York Press. ISBN 0791404463.
38. Coburn, Thomas B. (2002), *Devi Mahatmya, The Crystallization of the Goddess Tradition*. South Asia Books. ISBN 81-208-0557-7.
39. Lynn Foulston; Stuart Abbott (2009), *Hindu Goddesses: Beliefs and Practices*. Sussex Academic Press. ISBN 978-1- 902210-43-8.
40. John Stratton Hawley; Donna Marie Wulff (1998), *Devi - Goddesses of India*. Motilal Banarsidass. ISBN 978-81-208-1491-2.
41. Alf Hiltebeitel; Kathleen M. Erndl (2000), *Is the Goddess a Feminist?: The Politics of South Asian Goddesses*. New York University Press. ISBN 978-0-8147-3619-7.
42. Kali, Davadatta (2003), *In Praise of the Goddess: The Devimahatmya and Its Meaning*. Motilal Banarsidass. ISBN 8120829530.
43. Manna, Sibendu, *Mother Goddess, Chaṇḍī, Punthi Pustak, Calcutta, India, 1993. (ISBN 81-85094-60-8)*
44. June McDaniel (2004), *Offering Flowers, Feeding Skulls*. Oxford University Press. ISBN 978-0-19-534713-5.
45. Jyotir Maya Nanda (1994), *Mysticism of the Devi Mahatmya Worship of the Divine Mother*. South Miami, Fla: Yoga Research Foundation. ISBN 0-934554-58-7.
46. Tracy Pintchman (2005), *Guests at God's Wedding: Celebrating Kartik among the Women of Benares*. State University of New York Press. ISBN 978-0-7914-6595-0.
47. Tracy Pintchman (2014), *Seeking Mahadevi: Constructing the Identities of the Hindu Great Goddess*. State University of New York Press. ISBN 978-0-7914-9049-5.
48. Tracy Pintchman (2015), *The Rise of the Goddess in the Hindu Tradition*. State University of New York Press. ISBN 978-1-4384-1618-2.
49. Rocher, Ludo (1986), *The Puranas*. Otto Harrassowitz Verlag. ISBN 978-3447025225.
50. Sarma, S. A. (2001), *Kena Upanisad: A Study from Sakta Perspective*. Mumbai: Bharatiya Vidya Bhavan.
51. Shankarnarayanan, S. (2002b) (1971), *Sri Chakra* (4th ed.). Chennai: Samata Books.
52. Smith, Frederick M. (2006), *The Self Possessed: Deity and Spirit Possession in South Asian Literature*. Columbia University Press ISBN 0-231-13748-6.
53. Suryanarayana Murthy, C. (2000) (1962), *Sri Lalita Sahasranama with Introduction and Commentary*. Mumbai: Bharatiya Vidya Bhavan.

54. Urban, Hugh B. (2003), *Tantra: Sex, Secrecy, Politics and Power in the Study of Religion*. Berkeley: University of California Press. ISBN 978-0-520-93689-8.
55. Winternitz, M. (1973) (1927), *History of Indian Literature*. New Delhi.

Abstract

SACRED FEMININITY IN SHAKTISM OF HINDUISM

Do Thu Ha

Department of Indian Studies,

Faculty of Oriental Studies,

VNU, University of Social Sciences and Humanities

In the subconscious of Indian, femininity was appreciated. The femininity has had an important status, Indians even considered it as a mainstream of each person, including males and females. This concept can be proved through the traces and the traditional culture of the Indians. This article indicates the establishment of goddess worshiping traditions in India, comparison Shaktism (goddess cult) with other Hindu sects and characteristics of Shaktism.

Keywords: Sacred femininity; Shakta; Shakti; philosophy; characteristics.

Bảng 1. So sánh phái thờ tính nữ thiêng Shaktism với các phái Hindu giáo khác

So sánh phái thờ tính nữ thiêng Shaktism với các truyền thống Hindu giáo khác							
Tài liệu tham khảo	(Constance Jones; James D. Ryan 2006. 474)	(Christopher Partridge 2013. 182)	(Sanjukta Gupta 2013. 65-71)	(Mariasusai Dhavamony 2002.63)	(Olivelle, Patrick 1992. 4-18)	(Frazier, J. 2013. 101-113)	
Phái Mật tông	Vedas Upanishads và	Không	Nguyên tác của Đai ngã	Khái niệm phụ	Khuyến cáo	Không bắt buộc	
Phái thờ tính nữ thiêng liêng	Vedas, Upanishads và Tantras	Nữ thần Devi	Devi	Quan trọng	Chấp nhận	Khăng định	
Phái thờ Shiva	Vedas Upanishads và	Thần Shiva	Shiva	Khái niệm phụ	Khuyến cáo	Khăng định	
Phái thờ Vishnu	Vedas Upanishads và	Thần Vishnu	Vishnu	Khái niệm chính	Chấp nhận	Khăng định	
	Thành điển	Vị thần tối cao	Đấng Sáng tạo	Hoá thân	Đời sống tu hành	Nghi thức, sự sùng tín	

So sánh phái thờ tính nữ thiêng liêng Shaktism với các truyền thông Hindu giáo khác	Tài liệu tham khảo	(Lisa Kemmerer 2011. 27-36)	(Jan Gonda 1970)	(Jan Gonda 1970)	(Flood 1996, 225) (Eliott Deutsche 2000, 245-248) (McDaniel, June 2004), 89-91)
	Phái Mật tông	Khuyến cáo, Không bắt buộc	Khăng định	Đại ngã, Tiểu ngã	1. Nhân thức 2. Suy luận 3. So sánh 4. Phái sinh 5. Bằng chứng tiêu cực / nhân thức 6. Lời chứng đáng tin cậy
	Phái thờ tính nữ thiêng liêng	Không bắt buộc	Khăng định	Đại ngã (Devī), Tiểu ngã	1. Nhân thức 2. Suy luận 3. Lời chứng đáng tin cậy
	Phái thờ Shiva	Khuyến cáo, không bắt buộc	Khăng định	Đại ngã (Shiva), Tiểu ngã	1. Nhân thức 2. Suy luận 3. Lời chứng đáng tin cậy 4. Tự chứng minh
	Phái thờ Vishnu	Khăng định	Khăng định	Đại ngã (Vishnu) và Tiểu ngã (Linh hồn)	1. Nhân thức 2. Suy luận 3. Lời chứng đáng tin cậy
	Ahimsa và Ăn chay	Tự do ý chí, Áo ảnh, Nghiệp báo	Siêu hình học	Nhân thức luận (Pramana)	

So sánh phái thờ tinh nữ thiêng liêng Shaktism với các truyền thông Hindu giáo khác	Tài liệu tham khảo	(Matthew James Clark 2006. 177- 225)	(Kim Skoog 1996. 63-84, 236- 239)
	Phái Mật tông	Advaita	Jivanmukta, Advaita, Yoga, cuộc sống tu hành là quan trọng nhất
	Phái thờ tinh nữ thêng liêng	Shakti-advaita	Bhakti, Tantra, Yoga
	Phái thờ Shiva	Dvaita, advaita đủ điều kiện, advaita	Jivanmukta, Charya- Yoga- Kriya- Jnana
	Phái thờ Vishnu	Dvaita, advaita đủ điều kiện, advaita	Videhamukti, Yoga, cuộc sống gia đình là quan trọng nhất
	Triết lý	Cứu rỗi (Thần học)	